

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
MÃ NGÀNH: 734.04.05**

NĂM 2019

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	4
1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thương mại.....	4
1.4. Tầm nhìn và sứ mệnh của Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử.....	5
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	5
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	6
1.7. Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	8
1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	8
1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh.....	8
1.8.2. Quá trình đào tạo.....	9
1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	9
1.9. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	10
1.9.1. Phương pháp dạy học trực tiếp.....	10
1.9.2. Phương pháp dạy học gián tiếp.....	11
1.9.3. Phương pháp dạy học trải nghiệm.....	11
1.9.4. Phương pháp dạy học tương tác.....	12
1.9.5. Phương pháp tự học.....	12
1.10. Phương pháp đánh giá.....	13
1.10.1. Đánh giá tiến trình.....	14
1.10.2. Đánh giá tổng kết.....	18
1.11. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo.....	19
1.12. Hệ thống tính điểm.....	19
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	21
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	21
2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	23
2.3. Tiến trình chương trình đào tạo.....	23
2.4. Mô tả các học phần.....	26
2.4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương.....	26
2.4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành.....	29
2.4.3. Khối kiến thức chuyên ngành Thương mại điện tử.....	30

2.4.4. <i>Khối kiến thức bổ trợ</i>	33
2.4.5. <i>Môn học tự chọn</i>	34
2.4.5. <i>Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học</i>	40
2.5. Chương trình thực tập tốt nghiệp.....	42
2.6. Hoạt động ngoại khóa	43
2.7. Hoạt động nghiên cứu khoa học	44
2.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	45

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Trong bối cảnh hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hệ thống quản lý kinh tế xã hội, kinh doanh, thương mại, dịch vụ là vô cùng cần thiết. Hoạt động này không chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức ra quyết định một cách kịp thời, chính xác, mà còn gia tăng hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của doanh nghiệp. Từ sự bùng nổ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với nhu cầu thực tiễn về đào tạo các cử nhân có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng, điều hành, kiểm soát thông tin, ngành Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) đã ra đời và ngày càng được nhiều người học và nhà tuyển dụng quan tâm, săn đón. HTTTQL là ngành học tập trung vào thiết kế, quản trị và vận hành các HTTT, phân tích dữ liệu, kết nối giữa các bên liên quan trong tổ chức, doanh nghiệp với các chuyên gia CNTT giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh và hoạt động hiệu quả.

Nhận thấy rõ nhu cầu này, từ năm 2008, Trường Đại học Thương mại đã mở ngành HTTTQL. Hiện nay, Trường Đại học Thương mại đã đào tạo chính quy được 13 khóa sinh viên ngành HTTTQL (hệ đại trà), chuyên ngành Quản trị HTTT, trong đó có 9 khóa đã tốt nghiệp. Mỗi khóa có khoảng 150 sinh viên.

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành HTTTQL là: *“đào tạo nguồn nhân lực có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai, vận hành các HTTT để giải quyết các vấn đề trong kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; và có kỹ năng thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*.

CTĐT ngành HTTTQL được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ với 131 tín chỉ bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức bổ trợ, thực tập và làm tốt nghiệp khóa học; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân từ 3,5 năm đến 7 năm.

Với 100% đội ngũ giảng viên của ngành HTTTQL - Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử (Khoa HTTTKT và TMĐT) có học vị ThS. 4/16 giảng viên có học vị TS. Các giảng viên được đào tạo bài bản ngành CNTT, HTTTQL, Khoa học thông tin, Khoa học máy tính, Quản trị thông tin,... từ các trường uy tín trong và

ngoài nước. Chương trình giảng dạy ngành HTTTQL của Khoa HTTTKT và TMDT được phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế với mức độ thích ứng cao theo nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp. Hệ thống tín chỉ bao gồm nhiều kiến thức khác nhau, tương thích cao với chương trình giảng dạy của các trường đại học hàng đầu thế giới, tăng cường sự linh hoạt cho sinh viên. Hệ thống tài liệu giảng dạy được cập nhật hàng năm và các phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực học tập suốt đời.

1.2. Thông tin chung

1.	Ngành:	Hệ thống thông tin quản lý
2.	Bậc:	Đại học
3.	Loại bằng:	Cử nhân
4.	Loại hình đào tạo:	Toàn thời gian
5.	Thời gian:	4 năm (<i>Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học lên tới 3,5 năm hoặc kéo dài tối đa đến 7 năm dựa trên khả năng và điều kiện học tập của họ</i>)
6.	Số tín chỉ:	120 tín chỉ (không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
7.	Khoa quản lí:	Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử - Trường Đại học Thương mại
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
9.	Website:	http://htttmdt.tmu.edu.vn/
10.	Facebook:	https://www.facebook.com/KhoaHethongthongtinkinh-tevaTMDT

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thương mại

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Các giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thương mại là Truyền thống, Trách nhiệm và Sáng tạo:

- Truyền thống: Dân chủ, đoàn kết, nhân văn, hợp tác, chia sẻ, tự lực tự cường, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động của Nhà trường;

- Trách nhiệm: Tuân thủ pháp luật và các quy định của Nhà nước; Cung cấp các chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo ở các trình độ đào tạo đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động; Minh bạch thông tin và công bằng trong ứng xử với người học, viên chức và người lao động; Quan tâm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động; Tham gia tích cực các hoạt động xã hội với các hành động cụ thể, thiết thực; Giải trình các hoạt động của Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Sáng tạo: Liên tục đổi mới với tư duy sáng tạo trong hoạt động quản lý, giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển các mối quan hệ và các hoạt động khác thích ứng với mọi sự thay đổi; kết hợp sáng tạo cá nhân với trí tuệ tập thể; đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả trong các hoạt động của Nhà trường.

1.4. Tầm nhìn và sứ mệnh của Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử

Nhiệm vụ: Sứ mệnh của Khoa HTTTKT và TMĐT hướng đến việc khẳng định giá trị và vị thế của Trường Đại học Thương mại như là một địa chỉ danh tiếng về nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao ứng dụng TMĐT và HTTTQL của Việt Nam. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Khoa HTTTKT và TMĐT tập trung đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, khai phá các tiềm năng cá nhân, thúc đẩy tinh thần hợp tác giữa sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp và cộng đồng.

Tầm nhìn: Khoa HTTTKT và TMĐT trực thuộc Trường Đại học định hướng nghiên cứu ở Việt Nam. Chúng tôi nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm đối với sự phát triển của tri thức khoa học cũng như tạo dựng nguồn nhân lực TMĐT và HTTTQL cho đất nước. Chúng tôi phấn đấu để được thừa nhận bởi cộng đồng nghiên cứu, thực hành trong nước và quốc tế như là một cơ sở giáo dục uy tín, chất lượng, đi đầu trong phát triển khoa học, đào tạo chuyên gia cũng như cung cấp giải pháp TMĐT và HTTTQL cho cộng đồng và xã hội.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo

*** Mục tiêu chung**

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai, vận hành các HTTT để giải quyết các vấn đề trong kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; và có kỹ năng thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

* **Mục tiêu cụ thể**

Chương trình giảng dạy được thiết kế để đào tạo sinh viên HTTTQL, sau khi tốt nghiệp, những cử nhân này có khả năng:

- Đào tạo cử nhân ngành HTTTQL có các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính; chương trình đặc biệt chú trọng các kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin quản lý, kiến thức tổ chức và quản trị HTTT.

- CTĐT tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp, nhằm trang bị cho người học một năng lực tối thiểu cho các hoạt động xây dựng và phát triển các HTTT, đặc biệt là năng lực quản trị các HTTT trong tiến trình hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp.

- Ngoài ra chương trình còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, kỹ năng tư duy - sáng tạo - phân tích - phản biện; ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.

- Cung cấp khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực HTTTQL.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chương trình được thiết kế theo hướng thúc đẩy sinh viên phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ trong toàn cầu hóa. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng:

PLO	Ngành Hệ thống thông tin quản lý
Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Nắm vững kiến thức cơ bản các môn Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương; các kiến thức cơ bản về Toán ứng dụng, tiếng Anh,...; hoàn thành chương trình GDTC, GDQP và được Nhà trường cấp chứng chỉ.
PLO2	Nắm vững các kiến thức cơ bản về kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, làm cơ sở để phát triển và ứng dụng tin học quản lý vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý khu vực công.
PLO3	Hiểu các nguyên lý trong tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu, công cụ quản trị cơ sở dữ liệu. Nắm được các kiến thức cơ bản về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh.

PLO4	Nắm được một công cụ và kỹ thuật hiện đại trong quản trị mạng máy tính, thiết kế và xây dựng các website phục vụ các hoạt động quản lý và kinh doanh. Am hiểu và vận dụng được các giải pháp, chính sách an toàn thông tin doanh nghiệp.
PLO5	Nắm được các quy trình nghiệp vụ của các doanh nghiệp, tổ chức vận dụng để triển khai các phần mềm ứng dụng; triển khai HTTT cho doanh nghiệp.
PLO6	Hiểu và biết cách vận dụng một số phần mềm quản lý, ngôn ngữ lập trình phổ biến và một số công cụ phát triển ứng dụng hiện đại dùng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO7	Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng có hiệu quả các kiến thức của ngành, chuyên ngành trong các doanh nghiệp và tổ chức như: Phân tích yêu cầu, thiết kế, cài đặt, đảm bảo chất lượng, kiểm thử, vận hành thử nghiệm và bảo trì các hệ thống thông tin; có các kỹ năng cơ bản để tổ chức triển khai ứng dụng hệ thống thông tin, công nghệ thông tin trong quản lý và kinh doanh.
PLO8	Có kỹ năng hoạch định, quản trị dữ liệu; tổ chức thu thập, lưu trữ, xử lý, khai thác, phân tích, đánh giá thông tin một cách có hiệu quả phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.
PLO9	Có kỹ năng vận hành và khai thác hệ thống mạng máy tính, quản trị web, lựa chọn phương án đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Quản trị hệ thống phần mềm trong các tổ chức, doanh nghiệp.
PLO10	Kỹ năng làm việc theo nhóm, truyền thông kinh doanh và giao tiếp cộng đồng tốt; Kỹ năng phát hiện, làm báo cáo nghiên cứu và trình diễn vấn đề
PLO11	Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Nhà trường; Sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để trao đổi thông tin trong công việc và với khách hàng.
PLO12	Nắm vững và sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (Tin học văn phòng, và các phần mềm khác) và các kỹ năng mềm khác như soạn thảo văn bản, thuyết trình, quản lý email.
Chuẩn đầu ra về thái độ	

PLO13	Có thái độ đúng mực, phù hợp với các quy định của pháp luật, các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và quốc gia.
PLO14	Có phẩm chất công dân tốt và ý thức trong quan hệ/ hoạt động cộng đồng: Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt mức điểm rèn luyện từ 50 điểm trở lên.
PLO15	Có thái độ tích cực, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.
PLO16	Có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực Quản trị hệ thống thông tin.
PLO17	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời
PLO18	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

1.7. Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành HTTTQL - Trường Đại học Thương mại có khả năng làm việc tại các vị trí như phân tích dữ liệu kinh doanh, kiểm thử phần mềm, quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị HTTT, hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP), kinh doanh thông minh (BI), tư vấn triển khai các giải pháp kinh doanh, lập trình web, chuyên viên kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho mạng và hệ thống, chuyên gia rà soát lỗ hổng, điểm yếu và xử lý sự cố an toàn thông tin... Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp ngành HTTTQL - Trường ĐHTM có khả năng tự nghiên cứu, chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận khác.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Khoa HTTTKT và TMĐT chấp nhận các thí sinh đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các đối tượng xét tuyển thẳng khác theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
2. Tốt nghiệp THPT, có kết quả bài thi tốt nghiệp THPT Quốc gia nhóm A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) hoặc nhóm A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) hoặc nhóm D01

(Toán, Văn, Tiếng Anh) hoặc nhóm D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn ngành HTTTQL và có nguyện vọng vào ngành HTTTQL – Trường Đại học Thương mại.

3. Tốt nghiệp THPT, có kết quả bài thi tốt nghiệp THPT Quốc gia nhóm A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) hoặc nhóm A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) hoặc nhóm D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) hoặc nhóm D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn ngành HTTTQL, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp tỉnh/thành phố và có nguyện vọng vào ngành HTTTQL – Trường Đại học Thương mại.

4. Tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập bậc THPT theo quy định của Trường, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp tỉnh/thành phố và có nguyện vọng vào ngành HTTTQL – Trường Đại học Thương mại.

1.8.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thương mại. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3,5 năm đến 7 năm.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên làm tốt nghiệp bao gồm: Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp, viết khóa luận tốt nghiệp.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ Chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của Nhà trường như sau:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học (7 năm)
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên.

- Đạt trình độ tiếng Anh theo chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 979/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại (áp dụng từ Khóa 52 ngành HTTTQL).

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.9. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo ngành HTTTQL được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, hỗ trợ ra quyết định, cụ thể như sau:

1.9.1. Phương pháp dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Phương pháp dạy học trực tiếp bao gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng và phương pháp báo cáo chuyên gia.

1. **Giải thích cụ thể:** giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2. **Thuyết giảng:** giảng viên trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giải. Sinh viên nghe giảng, ghi chú để tiếp nhận các kiến thức.

3. **Phương pháp báo cáo chuyên gia:** sinh viên được tham gia vào các buổi học mà người diễn giảng là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Chương trình đào tạo ngành HTTTQL sử dụng hình thức báo cáo chuyên gia, với diễn giả là các doanh nhân, nhà quản trị, là cựu sinh viên. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể có những bài học kinh nghiệm.

1.9.2. Phương pháp dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là phương pháp lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong quá trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Phương pháp giảng dạy gián tiếp gồm: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống.

4. **Câu hỏi gợi mở:** trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra.

5. **Giải quyết vấn đề:** sinh viên học được những kiến thức mới nhờ đối mặt với các vấn đề. Thông qua việc tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

6. **Học theo tình huống:** là phương pháp lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Phương pháp học theo tình huống được sử dụng mạnh mẽ, với đa dạng các tình huống của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tình huống được cập nhật hàng kỳ, hàng năm, thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của môi trường CNTT.

1.9.3. Phương pháp dạy học trải nghiệm

Học trải nghiệm là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng thông qua thực hành, thực tế quan sát, trải nghiệm và cảm nhận. Các phương pháp học trải nghiệm bao gồm: phương pháp mô hình và thực tập, thực tế

7. **Mô hình:** là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu.

8. **Thực tập, thực tế:** sinh viên ngành HTTTQL được tham gia hoạt động đi thực tế tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực HTTT, CNTT để tìm hiểu nhiều nội dung liên quan đến học phần. Thông qua hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp.

1.9.4. Phương pháp dạy học tương tác

Đây là phương pháp dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận. Giảng viên hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Sinh viên có thể học từ bạn hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để ra quyết định. Để hỗ trợ người học phát huy khả năng linh hoạt, sáng tạo, đạt được các năng lực về giao tiếp, làm việc nhóm, chương trình đào tạo ngành HTTTQL sử dụng thường xuyên phương pháp thuyết trình và thảo luận nhóm. Các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm được sử dụng xuyên suốt trong nhiều môn học từ năm nhất tới năm cuối, nhằm thúc đẩy sinh viên tương tác với nhau. Các phương pháp dạy học tương tác gồm có: phương pháp tranh luận, thảo luận, học nhóm.

9. **Tranh luận:** là quá trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

10. **Thảo luận:** là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, sinh viên với cùng quan điểm mục tiêu chung, tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

11. **Học nhóm:** sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Phương pháp tự học

Phương pháp tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của sinh viên được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn trên lớp. Phương pháp được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà.

Thông qua việc hoàn thiện và nộp bài tập ở nhà cho giảng viên, không chỉ thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học mà còn giúp người học tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình học (Trans, Microsoft Teams, Google

Drive, Google Classroom, Google Forms, Group Facebook, Dropbox...). Hướng dẫn sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin là một phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành HTTTQL.

1.10. Phương pháp đánh giá

Ngành HTTTQL đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá thông qua điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần.

- Đối với các học phần lý thuyết: Điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần = 10% điểm chuyên cần + 30% điểm thực hành + 60% điểm thi hết học phần.

- Đối với các học phần thực hành: Điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần = 40% điểm chuyên cần + 60% điểm kiểm tra. Học phần thực hành không thi hết môn.

Công thức đánh giá Điểm học phần: $D_{hp} = \sum_1^3 k_i D_i$ Trong đó:

D_{hp} : Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

D_i : Điểm thành phần i ($i = 1,2,3$) k_i : Trọng số điểm thành phần i ($i = 1,2,3$)

D_{kt} : Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

$$D_{kt} = \frac{\sum_1^n D_{kt_i}}{n}$$

(D_{kt_i} : Điểm kiểm tra i ; n : Số bài kiểm tra)

D_{dm} : Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân.

Điểm đổi mới có thể có nhiều điểm thành phần sẽ được tính như sau: $D_{dm} = \sum k_i D_{dm(i)}$

($D_{dm(i)}$: Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)

k_i : Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)

Xếp loại của từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A,B,B+,C,C+,D, D+,F chi tiết tại mục 1.12. Có 2 quy trình đánh giá được sử dụng là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết.

1.10.1. Đánh giá tiến trình

Mục đích của đánh giá tiến trình là cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục trong quá trình dạy học. Các công cụ đánh giá được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá điểm thực hành (bao gồm điểm kiểm tra và điểm đổi mới phương pháp học tập).

- **Đánh giá chuyên cần:** ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập. Điểm

chuyên cần có trọng số 10% với học phần lý thuyết, 40% với học phần thực hành. Điểm chuyên cần bao gồm 2 tiêu chí là chuyên cần đi học và đóng góp tại lớp. Trọng số của từng tiêu chí được chi tiết trong từng học phần. Việc đánh giá điểm chuyên được thực hiện theo Quy định 923/QĐ-ĐHTM về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại ban hành ngày 16/08/2019. Cụ thể như sau:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định							
	Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-4,9 điểm)	Mức D+ (5,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,4 điểm)	Mức C+ (6,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-7,9 điểm)	Mức B+ (8,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)
Chuyên cần	Không đi học (vắng mặt > 40%)	Đi học không chuyên cần (vắng mặt từ 30-40%)	Đi học không chuyên cần (vắng mặt từ 30-40%)	Đi học khá chuyên cần (vắng mặt từ 20-30%)	Đi học khá chuyên cần (vắng mặt từ 20-30%)	Đi học chuyên cần (vắng mặt từ 10-20%)	Đi học chuyên cần (vắng mặt từ 10-20%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (vắng mặt 0-10%).
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.	Thỉnh thoảng ham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả	Tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.

- **Đánh giá điểm kiểm tra:** giảng viên kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các bài kiểm tra giữa và cuối học phần. Số lượng bài kiểm tra từ 1 đến 3 bài theo Quy định 923/QĐ-ĐHTM về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại ban hành ngày 16/08/2019. Học phần 1-2 tín chỉ có từ 1 đến 2 bài kiểm tra, học phần từ 3 tín chỉ trở lên có từ 2 đến 3 bài kiểm tra. Các bài kiểm tra có thời gian từ 15 - 20 phút đối với bài trắc nghiệm và tối đa 45 phút đối với bài tự luận. Việc ra đề và chấm điểm bài kiểm tra do giảng viên phụ trách. Điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 15%

với học phần lý thuyết, 60% với học phần thực hành. Điểm trung bình các bài kiểm tra được xác định bằng số trung bình cộng của điểm tất cả các bài kiểm tra trong học phần.

- Đánh giá điểm đổi mới phương pháp học tập:

Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, thương lượng. Điểm đổi mới phương pháp học tập có trọng số 15% với học phần lý thuyết bao gồm Bài thảo luận nhóm, Thuyết trình, bảo vệ của nhóm hoặc Nhận xét, nêu câu hỏi phản biện, Điểm thưởng. Trọng số của từng tiêu chí đánh giá được chi tiết trong từng học phần. Việc đánh giá điểm đổi mới phương pháp học tập được thực hiện như sau:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định							
	Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-4,9 điểm)	Mức D+ (5,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,4 điểm)	Mức C+ (6,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-7,9 điểm)	Mức B+ (8,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Ít nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu
Trình bày slide hoặc Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn nhiều và ít hình ảnh minh họa	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ	Slide trình bày với bố cục logic, ít lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng <i>Hoặc</i> Bài nhận	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp,	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện

	xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu	<i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện sơ sài, rất nhiều nội dung luận giải chưa chặt chẽ	<i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện sơ sài, nhiều nội dung luận giải chưa chặt chẽ	ràng <i>Hoặc</i> Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ	xét đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ	thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ	tương đối thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét đầy đủ, luận giải khá chặt chẽ	thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ
Thuyết Trình, bảo vệ hoặc Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Phản trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, có tương tác với người nghe; Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi trung bình; <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu

					ra đúng trọng tâm	Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	<i>Hoặc</i> Tư duy phản biện khá chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	<i>Hoặc</i> Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay
Điểm thường	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp khá hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao

1.10.2. Đánh giá tổng kết

Mục đích của đánh giá tổng kết là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học. Các công cụ đánh giá được sử dụng bao gồm Thi viết hoặc Thi trắc nghiệm. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp với quy định về khảo thí. Điểm đánh giá tổng kết có trọng số 60% với học phần lý thuyết.

Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi đánh giá tổng kết (thi kết thúc học phần). Người học đủ điều kiện phải dự thi theo đúng lịch. Nếu thi không đạt phải đăng

ký học lại theo quy định. Người học không đủ điều kiện hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng khi thi kết thúc học phần theo lịch của kỳ thi, sẽ phải nhận điểm 0 đối với học phần đó và phải đăng ký học lại theo quy định. Nếu vắng thi có lý do chính đáng và được Trường phòng Quản lý đào tạo cho phép thì sinh viên được dự thi kết thúc học phần ở kỳ thi tiếp theo (nếu có lịch thi).

Số lượng đề thi được quy định theo Quy định 923/QĐ-ĐHTM về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại ban hành ngày 16/08/2019. Cụ thể như sau:

- Học phần tự luận: < 10 sinh viên: 01 mã đề/1 phòng thi; ≥ 10 sinh viên: 02 mã đề/1 phòng thi;

- Học phần thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính: 05 mã đề/1 phòng thi.

Việc biên soạn ngân hàng đề thi, Trưởng bộ môn/Trưởng học phần cử người có đủ phẩm chất, năng lực và kinh nghiệm để ra đề thi. Trưởng bộ môn/Trưởng học phần chịu trách nhiệm biên tập thành ngân hàng đề thi của học phần và gửi cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Thương mại trộn đề thi, bóc thăm, nhân bản đề thi chính thức, làm túi đề thi cho từng phòng thi và niêm phong.

Với học phần lý thuyết, sau khi nhận được Túi bài thi, Túi đề thi (đã làm phách) từ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng bộ môn/Trưởng học phần chỉ đạo chấm bài thi kết thúc, cử 2 cán bộ chấm độc lập các bài thi theo đáp án và thang điểm của bộ môn bằng hai thức mực khác nhau trên bài thi. Việc chấm thi phải đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng và trên cơ sở Đáp án và thang điểm chấm được lập. Điểm toàn bài thi được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Với học phần thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, kết quả thi học phần trên máy tính được lập tự động sau khi sinh viên kết thúc làm bài, có đầy đủ họ tên, chữ ký của sinh viên và cán bộ coi thi. Trong vòng 3 ngày làm việc sau ngày thi, Trung tâm Công nghệ thông tin của Trường chịu trách nhiệm chuyển điểm thi lên Server và chuyển Kết quả thi học phần trên máy cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

1.11. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

CDR \ HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18
HP1	X																	
HP2	X																	
HP3	X												X				X	

HP4	X																	
HP5	X												X					
HP6	X									X								
HP7	X									X								
HP8	X									X								
HP9			X			X						X						
HP10										X						X	X	
HP11	X											X						
HP12	X																	
HP13		X																
HP14		X																
HP15		X																
HP16		X																
HP17		X														X		
HP18									X									
HP19			X															
HP20						X												
HP21	X											X						
HP22	X											X						
HP23								X					X					
HP24								X					X					
HP25		X											X	X				
HP26		X													X			
HP27		X																
HP28	X					X												
HP29	X																	
HP30	X																	
HP31				X					X									
HP32								X	X							X	X	
HP33				X					X									
HP34			X			X	X											X
HP35			X		X	X	X								X			X
HP36				X		X	X				X							
HP37				X					X									
HP38						X	X											
HP39				X		X	X											
HP40						X	X	X								X		X
HP41							X									X		
HP42			X				X					X						
HP43	X																	
HP44						X												
HP45						X												
HP46					X													
HP47					X													
HP48		X																
HP49		X																

HP50		X															
HP51		X															
HP52		X									X	X					
HP53		X															

1.12. Hệ thống tính điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt) (theo QĐ247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ban hành 10/04/2017):

A (8,5-10)

C (5,5-6,4)

B⁺(8,0-8,4)

D⁺(5,0-5,4)

B (7,0-7,9)

D (4,0-4,9)

C⁺(6,5-6,9)

F (<4,0) – không đạt

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

- | | | |
|-------------------|---------------|-----|
| 1. A | tương ứng với | 4,0 |
| 2. B ⁺ | tương ứng với | 3,5 |
| 3. B | tương ứng với | 3,0 |
| 4. C ⁺ | tương ứng với | 2,5 |
| 5. C | tương ứng với | 2,0 |
| 6. D ⁺ | tương ứng với | 1,5 |
| 7. D | tương ứng với | 1,0 |
| 8. F | tương ứng với | 0,0 |

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 4 khối kiến thức và thực tập, làm tốt nghiệp khóa học, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng theo bảng sau:

STT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	02
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	18	10
3	Khối kiến thức chuyên ngành	29	12
4	Khối kiến thức bổ trợ	6	6
5	Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học	10	
	Tổng	101	30

Khối kiến thức giáo dục đại cương: bao gồm 40 tín chỉ: 27 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ Giáo dục thể chất, 8 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và 2 tín chỉ học phần tự chọn. Các học phần bắt buộc là các môn học chính trị, tư tưởng, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Pháp luật, Toán, Tiếng anh, Tin học quản lý, Phương pháp nghiên cứu khoa học. 2 tín chỉ học phần tự chọn trong các học phần Kinh tế thương mại đại cương, Xã hội học đại cương hoặc Kinh tế môi trường. Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung, lý thuyết cơ bản về kinh tế và quản lý.

Khối kiến thức cơ sở ngành: bao gồm 28 tín chỉ: 18 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn. Các học phần bắt buộc liên quan như Quản trị học, Kinh tế vi mô 1, TMĐT căn bản, Cơ sở dữ liệu, Cơ sở lập trình, Tiếng anh chuyên ngành 1,2. 10 tín chỉ tự chọn trong các học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet, Thực hành quảng cáo điện tử, Văn hóa kinh doanh, Khởi sự kinh doanh, Kinh tế vĩ mô 1, Lập trình hướng đối tượng, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng. Khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong từng lĩnh vực kinh tế.

Khối kiến thức chuyên ngành: bao gồm 41 tín chỉ: 29 tín chỉ bắt buộc và 12 tín chỉ tự chọn. Các học phần bắt buộc là Mạng máy tính và truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Thiết kế và triển khai website, Quản trị cơ sở dữ liệu, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp, An toàn và bảo mật thông tin, Kiểm thử phần mềm, Phát triển hệ thống thông tin kinh tế, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp. Các học phần tự chọn là Khai phá dữ liệu trong kinh doanh, Kỹ thuật sử dụng SQL Server, Các phương pháp và mô hình phân tích, dự báo kinh tế, xã hội, Thanh toán điện tử, Marketing Thương mại điện tử, Cơ sở toán học cho tin học, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật. Khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên

những kiến thức chuyên sâu về HTTTQL trong một số loại hình tổ chức cụ thể như doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, sản xuất,...

Khối kiến thức bổ trợ: bao gồm 12 tín chỉ: 6 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn. Có 2 học phần bắt buộc là Nguyên lý kế toán và Nhập môn tài chính tiền tệ. 6 tín chỉ tự chọn trong các học phần Quản trị chất lượng, Quản trị thương hiệu 1, Quản trị nhân lực căn bản và Marketing căn bản. Khối kiến thức bổ trợ cung cấp cho sinh viên những kiến thức bổ sung cần thiết trong môi trường CNTT

Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học: bao gồm 10 tín chỉ: 3 tín chỉ cho báo cáo thực tập tổng hợp và 7 tín chỉ cho khóa luận tốt nghiệp.

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các khối kiến thức được thiết kế đảm bảo nội dung các học phần đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện chi tiết tại bảng sau:

STT	Thành phần	Số tín chỉ		PLOs															
		Số lượng	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	30.5	x	x	x			x				x	x	x	x	x		
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	28	21.4	x	x	x			x		x	x		x	x	x	x	x	x
3	Khối kiến thức chuyên ngành	41	31.3	x		x	x	x	x	x	x	x			x				
4	Khối kiến thức bổ trợ	12	9.1		x										x	x			
5	Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học	10	7.7			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			
	Tổng	131	100																

2.3. Tiến trình chương trình đào tạo

Tiến trình chương trình đào tạo của ngành HTTTQL có thể kéo dài 7 kỳ hoặc 8 kỳ học, tùy thuộc vào tiến độ học nhanh hay học chuẩn của sinh viên.

Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7
[MLNP0221] Triết học Mác - Lênin (3)	[RLCP1211] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2)	[HCM0121] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2) [HCM0111] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		[HCM0131] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2)		[REPO0111] Báo cáo thực tập tổng hợp (3) [ESSAY0111] Khóa luận tốt nghiệp (7)
[TLAW0111] Pháp luật đại cương (2)	[MIEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3)	[MAEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3) [SCRE0111] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2)			[AMAT0511] Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội (2)	
	[PCOM0111] Thương mại điện tử căn bản (3)		[eCOM2111] Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2) [eCOM2121] Thực hành quảng cáo điện tử (2) [SMGM0512] Marketing Thương mại điện tử * (3)			
		[EFIN2811] Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (3)		[PCOM0411] Thanh toán điện tử (3)	[FACCO111] Nguyên lý kế toán (3)	
[TECO0111] Kinh tế thương mại đại cương (2) [RLCP0421] Xã hội học đại cương (2) [FECO1521] Kinh tế môi trường (2)	[AMAT1011] Toán đại cương (3)	[AMAT0111] Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3)	[AMAT0411] Kinh tế lượng (3)			
[INFO0311] Tin học quản lý (3)	[INFO2311] Cơ sở dữ liệu (2)	[ECTI2521] Quản trị Cơ sở dữ liệu (3)	[ECTI2321] Cơ sở Toán học cho Tin học (3)			
[ECTI2421] Mạng máy tính và truyền thông (2)	[INFO0621] Cơ sở lập trình (3)		[INFO1931] Lập trình hướng đối tượng (3) [eCIT0311] Hệ thống thông tin quản lý (3)	[INFO1311] Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3) [eCIT0921] An toàn và bảo mật thông tin (3) [INFO1821] Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin (3) [eCIT1431] Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp (3) [ECTI3021] Kiểm thử phần mềm (3)	[INFO2111] Khai phá dữ liệu trong kinh doanh (2) [INFO2211] Kỹ thuật sử dụng SQL Server (2) [ECTI0731] Thiết kế và triển khai website (3) [eCIT1612] Phát triển hệ thống thông tin kinh tế (3) [eCIT2221] Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3)	
		[BMGM0111] Quản trị học (3) [BMGM1221] Văn hóa kinh doanh (2) [CEMG3111] Khởi sự kinh doanh (2)	[QMG0911] Quản trị chất lượng (3) [CEMG0111] Quản trị nhân lực căn bản (3) [BRMG2011] Quản trị thương hiệu 1 (3)	[BMKT0111] Marketing căn bản (3)		
		[ENTH3011] Tiếng Anh 1 (2)	[ENTH3111] Tiếng Anh 2 (2) [ENTH5611] Tiếng Anh 3 (2)	[ENTI1011] Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2)	[ENTI1012] Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2)	
		Khởi kiến thức giáo dục đại cương			Khởi kiến thức chuyên ngành	
		Khởi kiến thức cơ sở ngành			Khởi kiến thức bổ trợ	
					Môn học tự chọn	

Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
[MLNP0221] Triết học Mác - Lênin (3)	[RLCP1211] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2)	[HCM10121] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)	[HCM10111] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		[HCM10131] Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam (2)		[REPO0111] Báo cáo thực tập tổng hợp (3) [ESSAY0111] Khóa luận tốt nghiệp (7)
[TLAW0111] Pháp luật đại cương (2)	[MIEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3)	[MAEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3)	[SCRE0111] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2)			[AMAT0511] Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội (2)	
	[PCOM0111] Thương mại điện tử căn bản (3)		[eCOM2111] Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2)				
			[eCOM2121] Thực hành quảng cáo điện tử (2)	[SMGM0512] Marketing Thương mại điện tử * (3)			
		[EFIN2811] Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (3)			[PCOM0411] Thanh toán điện tử (3)		
						[FACC0111] Nguyên lý kế toán (5)	
[TECO0111] Kinh tế thương mại đại cương (2)							
[RLCP0421] Xã hội học đại cương (2)							
[FECO1521] Kinh tế môi trường (2)							
	[AMAT1011] Toán đại cương (3)	[AMAT0111] Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3)	[AMAT0411] Kinh tế lượng (3)				
				[ECIT2321] Cơ sở Toán học cho Tin học (3)			
[INFO0311] Tin học quản lý (3)	[INFO2311] Cơ sở dữ liệu (2)		[ECIT2521] Quản trị Cơ sở dữ liệu (3)				
[ECIT2421] Mạng máy tính và truyền thông (2)			[INFO1931] Lập trình hướng đối tượng (3)		[INFO1311] Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3)	[INFO2111] Khai phá dữ liệu trong kinh doanh (2)	
	[INFO0621] Cơ sở lập trình (3)		[eCIT0311] Hệ thống thông tin quản lý (3)	[eCIT0921] An toàn và bảo mật thông tin (3)	[INFO18211] Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin (3)	[INFO2211] Kỹ thuật sử dụng SQL Server (2)	
				[eCIT1431] Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp (3)	[eCIT1612] Phát triển hệ thống thông tin kinh tế (3)	[ECIT0731] Thiết kế và triển khai website (3)	
					[ECIT3021] Kiểm thử phần mềm (3)	[eCIT2221] Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3)	
		[BMGM0111] Quản trị học (3)		[QMG0911] Quản trị chất lượng (3)			
		[BMGM1221] Văn hóa kinh doanh (2)		[CEMG0111] Quản trị nhân lực căn bản (3)			
		[CEMG3111] Khởi sự kinh doanh (2)		[BRMG2011] Quản trị thương hiệu 1 (3)			
		[ENTH3011] Tiếng Anh 1 (2)	[ENTH3111] Tiếng Anh 2 (2)	[BMKT0111] Marketing căn bản (3)			
			[ENTH5611] Tiếng Anh 3 (2)	[ENT11011] Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2)	[ENT11012] Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2)		

[Màu xanh dương] Khối kiến thức giáo dục đại cương

[Màu cam] Khối kiến thức cơ sở ngành

[Màu xanh lá] Môn học tự chọn

[Màu vàng] Khối kiến thức chuyên ngành

[Màu tím] Khối kiến thức bổ trợ

2.4. Mô tả các học phần

2.4.1. *Khởi kiến thức giáo dục đại cương*

[MLNP0221] Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

[HCM10121] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

[HCM10111] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

[RLCP1211] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa, đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Học phần giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền

kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Học phần định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam và gợi ý cho sinh viên cách thức vận dụng vào học tập, nghiên cứu.

[HCM10131] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

[ENTH3011] Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kỹ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

[ENTH3111] Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn

thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

[ENTH5611] Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình nghị sự và biên bản họp.

[INFO0311] Tin học quản lý (3 tín chỉ)

Học phần Tin học quản lý là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

[SCRE0111] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

[TLAW0111] Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

[AMAT1011] Toán đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Toán đại cương cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

2.4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

[MIEC0111] Kinh tế vi mô 1 (3 tín chỉ)

Học phần Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

[BMGM0111] Quản trị học (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị; quản trị sự thay đổi; quản trị xung đột của tổ chức; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; thông tin và ra quyết định quản trị; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).

[PCOM0111] Thương mại điện tử căn bản (3 tín chỉ)

Học phần TMĐT căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT.

[INFO2311] Cơ sở dữ liệu (2 tín chỉ)

Học phần Cơ sở dữ liệu là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Để nắm được nội dung của học phần này, sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần Tin học đại cương. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu như các loại mô hình dữ

liệu, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến.

[INFO0621] Cơ sở lập trình (3 tín chỉ)

Học phần Cơ sở lập trình là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Nội dung học phần bao gồm: Thuật toán, sơ đồ khối, chương trình và ngôn ngữ lập trình, các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình; Các yếu tố cơ bản trong lập trình; cách tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; mảng, xâu, con trỏ, hàm và kiểu dữ liệu có cấu trúc. Ngôn ngữ lập trình C sẽ được sử dụng để làm phương tiện để trình bày.

[ENTI1011] Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

[ENTI1012] Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

2.4.3. Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Hệ thống thông tin

[ECIT2421] Mạng máy tính và truyền thông (2 tín chỉ)

Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp

đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

[eCIT0311] Hệ thống thông tin quản lý (3 tín chỉ)

Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp; Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

[ECIT0731] Thiết kế và triển khai website (3 tín chỉ)

Học phần Thiết kế và triển khai website cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML,... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

[ECIT2521] Quản trị cơ sở dữ liệu (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

[INFO18211] Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (3 tín chỉ)

Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin Rational Rose.

[eCIT2221] Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp cung cấp kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp bao gồm các đặc trưng, yêu cầu kỹ thuật, phi kỹ thuật, các lợi ích của chúng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đi sâu giới thiệu cụ thể vào 3 nhóm phần mềm ứng dụng cơ bản trong doanh nghiệp là nhóm phần mềm tích hợp, nhóm phần mềm quản lý tri thức và nhóm phần mềm trí tuệ nhân tạo.

[eCIT0921] An toàn và bảo mật thông tin (3 tín chỉ)

Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.

[eCIT3021] Kiểm thử phần mềm (3 tín chỉ)

Học phần Kiểm thử phần mềm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần học Cơ sở lập trình trước khi học học phần này. Đây là học phần thực hành nhằm cung cấp các kỹ năng về kiểm thử phần mềm. Bao gồm trình bày về quy trình kiểm thử phần mềm, các yếu tố khi kiểm thử phần mềm, các mô hình và CASE kiểm thử, các kỹ năng đọc bản đặc tả hệ thống trong kiểm thử giao diện (Test giao diện đồ họa) và kiểm thử chức năng (Test chức năng). Cách viết tài liệu kiểm thử và các bước đánh giá kiểm thử hệ thống trong các dự án phần mềm.

[eCIT1612] Phát triển hệ thống thông tin kinh tế (3 tín chỉ)

Học phần Phát triển HTTT kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và phát triển HTTT cho doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào mô tả quy trình chung và các điều kiện cơ bản để phát triển HTTT kinh tế. Sau đó giới thiệu một số mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm: lập kế hoạch, khảo sát, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, tích hợp và bảo trì. Tiếp đến học phần trình bày các giai đoạn phát triển HTTT cùng các mô hình, phương pháp, công cụ hỗ trợ để hoàn thiện các giai đoạn trong quy trình phát triển HTTT kinh tế cho doanh nghiệp.

[eCIT1431] Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị HTTT doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lập phương án tổ chức HTTT, lập chiến lược quản trị các thành phần trong HTTT của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần giới thiệu những kiến thức chuyên sâu về HTTT và quản trị HTTT trong doanh nghiệp. Giới thiệu các phương pháp tiếp cận HTTT trong doanh nghiệp: Tiếp cận trên khía cạnh quản trị công nghệ và khía cạnh quản trị doanh nghiệp. Khía cạnh công nghệ bao gồm: Quản trị các thành phần của HTTT (phần cứng, phần mềm, CSDL, mạng, nguồn nhân lực). Khía cạnh quản trị doanh nghiệp bao gồm: Quản trị các yếu tố thuộc môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp có tác động đến HTTT doanh nghiệp. Để tạo ra giá trị kinh doanh cho HTTT cần quản trị tất cả các yếu tố liên quan bao gồm cả yếu tố công nghệ và yếu tố phi công nghệ trong doanh nghiệp.

2.4.4. Khối kiến thức bổ trợ

[FACC0111] Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)

Học phần Nguyên lý kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kế toán cụ thể. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu các loại kế toán cụ thể và có thể áp dụng các phương pháp kế toán vào thực tiễn.

[EFIN2811] Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (3 tín chỉ)

Học phần Nhập môn Tài chính - Tiền tệ đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ

chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

2.4.5. Môn học tự chọn

[TECO0111] Kinh tế thương mại đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

[RLCP0421] Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

[FECO1521] Kinh tế môi trường (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế môi trường cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

[eCOM2111] Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2 tín chỉ)

Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành HTTTQL. Học phần cung cấp các kỹ

năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới: Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

[eCOM2121] Thực hành quảng cáo điện tử (2 tín chỉ)

Học phần Thực hành quảng cáo điện tử cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến bao gồm: ý tưởng, công cụ, cách tối ưu hóa, thực hiện chiến dịch, thanh toán và phối hợp trong việc tận dụng các cơ hội, hoạch định và triển khai các chương trình quảng cáo trên mạng internet. Các công cụ được cung cấp trong học phần như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

[BMGM1221] Văn hóa kinh doanh (2 tín chỉ)

Học phần Văn hóa kinh doanh bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới; phân tích sâu hai trong số các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh đó là văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.

[CEMG3111] Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)

Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

[MAEC0111] Kinh tế vĩ mô 1 (3 tín chỉ)

Học phần Kinh tế vĩ mô 1 trang bị lý thuyết cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế. Học phần giới thiệu kiến thức

cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

[INFO1931] Lập trình hướng đối tượng (3 tín chỉ)

Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa,.. cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++.

[AMAT0111] Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 tín chỉ)

Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học. Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

[AMAT0411] Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Học phần Kinh tế lượng cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng. Học phần này là nền tảng hoặc bổ trợ kiến thức cho các học phần khác như Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội,...

[INFO2111] Khai phá dữ liệu trong kinh doanh (2 tín chỉ)

Học phần Khai phá dữ liệu trong kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ khai phá BI (Business Intelligence) của SQL server. Học phần

này trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình khai phá dữ liệu nói chung, các bước để tiến hành việc làm sạch dữ liệu, sử dụng công cụ để tìm kiếm và rút trích các thông tin có ích từ kho dữ liệu để phục vụ các mục đích khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh.

FO2211] Kỹ thuật sử dụng SQL Server (2 tín chỉ)

Học phần Kỹ thuật sử dụng SQL Server là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Sinh viên nên (không bắt buộc) học học phần cơ sở dữ liệu trước khi học môn học này. Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai thác CSDL cụ thể như: tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

[AMAT0511] Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội (2 tín chỉ)

Học phần Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế - xã hội cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của dự báo và cách thức giải quyết các bài toán dự báo kinh tế - xã hội dựa vào các mô hình hồi quy, các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian. Học phần giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).

[PCOM0411] Thanh toán điện tử (3 tín chỉ)

Học phần Thanh toán điện tử là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành HTTTQL. Học phần cung cấp các kiến thức cho sinh viên về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

[SMGM0512] Marketing Thương mại điện tử * (3 tín chỉ)

Học phần Marketing TMĐT cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing TMĐT, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị

TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

[ECIT2321] Cơ sở toán học cho tin học (3 tín chỉ)

Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

[INFO1311] Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3 tín chỉ)

Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là một trong những kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có liên quan đến học phần trước là cơ sở lập trình. Học phần bao gồm một số khái niệm cơ bản về giải thuật và cấu trúc dữ liệu; vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong HTTT; Một số cấu trúc dữ liệu cơ bản bao gồm: Mảng (Array), Danh sách (List), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack) và Hàng đợi (Queue), và Cây (Tree).

[QMGM0911] Quản trị chất lượng (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị chất lượng cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất

lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

[BRMG2011] Quản trị thương hiệu 1 (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị thương hiệu 1 cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

[CEMG0111] Quản trị nhân lực căn bản (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị nhân lực căn bản bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

[BMKT0111] Marketing căn bản (3 tín chỉ)

Học phần Marketing căn bản giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing và kiến thức căn bản về marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

2.4.5. Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học

[REPO0111] Báo cáo thực tập tổng hợp (3 tín chỉ)

Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động, kinh doanh của

đơn vị thực tập theo lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập theo phân công của đơn vị tiếp nhận thực tập để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập để đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2-3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12-15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

[ESSAY0111] Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35-45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục). Khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo ngành HTTTQL nhằm giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm như: Đề cương chi tiết có phê duyệt của giảng viên hướng dẫn; Bản thảo nội dung khóa luận có bút tích sửa chữa của giảng viên hướng dẫn (được kẹp hoặc đóng lại thành 1 tập theo quy định của khoa quản lý); và 2 bản khóa luận chính thức được đóng theo quy định của khoa. Sinh viên tập hợp các sản phẩm trên vào 1 túi đựng, có ghi rõ Họ và Tên, mã sinh viên, giảng viên hướng dẫn và nộp cho bộ môn quản lý theo thời gian quy định. Khóa luận tốt nghiệp được tính là một học phần 7 tín chỉ.

2.5. Chương trình thực tập tốt nghiệp

Chương trình thực tập tốt nghiệp của sinh viên trong 12 tuần, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: 04 tuần đầu làm tại đơn vị thực tập tối thiểu 20h/tuần dưới sự giám sát của đơn vị thực tập. Trong 4 tuần đầu tiên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tổng hợp và đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp. Kết thúc thời gian thực tập, ngoài báo cáo thực tập tổng hợp, sinh viên được yêu cầu nộp nhật ký thực tập hàng tuần và nhận xét thực tập của đơn vị thực tập.

- Giai đoạn 2: 08 tuần tiếp theo làm tại đơn vị thực tập tối thiểu 20h / tuần dưới sự giám sát của một người phụ trách tại đơn vị thực tập và giảng viên hướng dẫn và hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá khóa luận tốt nghiệp được xác định rõ ràng trong phiếu chấm.

Các vị trí thực tập của sinh viên sẽ được Khoa hỗ trợ tìm kiếm và kết nối với doanh nghiệp trên cơ sở một mạng lưới liên kết với các Doanh nghiệp và cựu sinh viên mà Khoa đã thiết lập từ trước đến nay. Sự tham gia ngày càng lớn mạnh của các doanh nghiệp và cựu sinh viên trong việc tuyển dụng các thực tập sinh tiềm năng đã thể hiện được uy tín và lợi ích của chương trình đào tạo ngành HTTTQL mang lại cho cộng đồng. Đồng thời, chương trình thực sự đã đưa đến kinh nghiệm làm việc thực sự rất có giá trị cho sinh viên trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Chương trình cung cấp không chỉ quyền tiếp cận cơ hội thực tập trong 3 tháng cho sinh viên mà sau đó họ có thể được tuyển dụng và làm việc chính thức.

Ở mỗi kỳ thực tập, chương trình thực tập tốt nghiệp của ngành HTTTQL đảm bảo cho sinh viên các yếu tố cơ bản sau:

- Có một vị trí cho phép làm việc thực sự phù hợp với chuyên ngành đào tạo để đảm bảo tạo ra giá trị thực sự cho tổ chức nhận sinh viên thực tập và trải nghiệm học tập có giá trị cho sinh viên.

- Được làm việc toàn thời gian liên tục từ 4 - 12 tuần.

- Được làm việc cùng một người giám sát hoặc người cố vấn phù hợp chuyên môn ngành HTTTQL mà công ty lựa chọn bố trí.

- Trong một số trường hợp, sinh viên có thể được nhận một khoản trợ cấp/hỗ trợ về tài chính hoặc lương thực tập từ doanh nghiệp.

Tham gia chương trình thực tập tốt nghiệp của ngành HTTTQL có thể giúp sinh viên:

- Trải nghiệm thực hành với một môi trường làm việc thực sự.
- Có được cái nhìn sâu sắc về lĩnh vực sinh viên lựa chọn.
- Phát triển mục tiêu nghề nghiệp của sinh viên.
- Kết nối được với các chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp tương lai của họ.
- Chuyển đổi từ thực tập sang được tuyển dụng chính thức ở đơn vị thực tập

2.6. Hoạt động ngoại khóa

Từ năm học 2016-2017, Khoa HTTTKT và TMĐT đã chú trọng đến hoạt động ngoại khóa của sinh viên, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như Câu lạc bộ TMĐT (Eplus), Câu lạc bộ Bóng ném (IS's HandBall), Đội thanh niên tình nguyện (VIS), Hội sinh viên Khoa nhằm đảm bảo chất lượng và sự đồng đều cho sinh viên trong việc tham gia công tác xã hội, đóng góp thực tiễn cho cộng đồng, qua đó phát triển thái độ sống, các kỹ năng chuyên nghiệp.

Ở Khoa HTTTKT và TMĐT, sinh viên được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa theo 2 nhóm hình thức sau:

- *Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ môn học*: giúp khơi dậy lòng đam mê với nghề, thể hiện sự năng động và tạo môi trường cho người học hiện thực hóa ý tưởng thông qua các hoạt động như:

+ Chuyến đi tham qua văn phòng thực tế (office-tour) của sinh viên tại Công ty cổ phần iBPO, Công ty cổ phần công nghệ Sapo, Công ty cổ phần phần mềm quản trị doanh nghiệp Cybersoft, ...

+ Trải nghiệm chương trình học thực tế tại doanh nghiệp như Khóa học IoT, ITE tại Học viện công nghệ Bkacad, Khóa học Thiết kế website với nền tảng Sapo Web, Khóa học lập trình, thiết kế đồ họa của Học viện đào tạo ICT Plus,...

+ Tổ chức Ngày hội hướng nghiệp hàng năm, tổ chức talkshow về Khởi nghiệp, Chinh phục nhà tuyển dụng, hoặc tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các Cuộc thi Olympic Toán và Khoa học quốc tế IMSO, đưa sinh viên tham gia các cuộc thi chuyên ngành như Cuộc thi lập trình PHP TopCV Contest.

+ Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng về Kiểm thử phần mềm, Quản trị chất lượng các dự án phần mềm, Xây dựng website TMĐT bán lẻ đa kênh, Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO, Làm chủ Python,...

+ Kết nối cho sinh viên tham dự các lớp học trực tuyến về Mẹo sử dụng Google Ads & Google Analytics để đo lường, Xây dựng website chất lượng,... trong các chương trình của đối tác như Hiệp hội ICT...

+ Lựa chọn sinh viên tiêu biểu tham dự Hành trình Tôi yêu tổ quốc, Hành trình Thanh niên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Trung tâm hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp (SYS Việt Nam) kết hợp với Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam tổ chức hàng năm.

- *Các hoạt động ngoại khóa ngoài môn học*: giúp sinh viên phát triển các kỹ năng, thái độ cần thiết bên cạnh những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, hướng đến đào tạo những cá nhân toàn diện thông qua các hoạt động như:

+ Cuộc thi tài năng sinh viên Khoa HTTTKT và TMĐT (IS's Got Talent) 2 năm 1 lần.

+ Tổ chức các chương trình Chào Tân sinh viên, Ngày hội dân gian, Hiến máu, Hỗ trợ sinh viên năm nhất nhập học, Trung thu ấm áp, Mùa hè xanh, hoạt động thiện nguyện tại địa phương, ...

+ Tổ chức Giải bóng đá sinh viên hàng năm của Khoa, tuyển chọn Đội bóng ném, cầu lông, bóng đá nam và nữ tham gia tranh đấu trong các giải của Trường. Hỗ trợ sinh viên tổ chức Giải bóng ném nam và bóng ném nữ mở rộng để cọ sát và giao lưu.

+ Tuyển chọn sinh viên tham gia vào hoạt động tuyển sinh, truyền thông, tổ chức sự kiện của Khoa.

+ Lựa chọn sinh viên tham gia Hội thi văn nghệ chào mừng ngày kỷ niệm của Trường, Hội thi tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh,...

+ Tổ chức các cuộc thi ảnh, các clip hay để sinh viên bày tỏ suy nghĩ và gặp gỡ thầy cô nhân ngày 8/3, 20/10, 20/11,...

Tất cả hoạt động ngoại khóa cũng đều hướng tới khai mở các năng lực riêng biệt của người học trong quá trình theo đuổi các giá trị sống tốt đẹp.

2.7. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên Khoa HTTTKT và TMĐT luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học từ năm thứ 2. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, được tạo điều kiện cộng điểm rèn luyện hoặc cộng điểm vào Khóa luận tốt nghiệp theo quy định nhà trường. Hàng năm, Khoa đều thu hút được 15-20 nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên.

Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm đều được tổ chức hàng năm với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình. Với lòng say mê nghiên cứu khoa học và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa đã đạt được các Giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường, cấp Bộ, Hội thi khoa học sinh viên toàn quốc như Giải nhì cấp Trường Đại học Thương mại, Giải nhì cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giải nhì Hội thi Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng. Giảng viên và sinh viên của Khoa thường xuyên được Nhà Trường lựa chọn trình bày tại các buổi Tọa đàm tư vấn kỹ năng nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

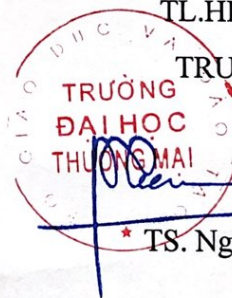
2.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình này đã được áp dụng từ năm 2019 cho sinh viên Khoa HTTTKT và TMĐT - Trường Đại học Thương mại. Quá trình giảng dạy dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, yêu cầu nguồn nhân lực và các yêu cầu cụ thể. Tùy thuộc vào định hướng cá nhân, các cố vấn học tập của Khoa sẽ khuyên sinh viên chọn tiến độ học tập và các môn học tự chọn phù hợp. Trường khoa có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc xây dựng các giáo trình chi tiết để đảm bảo các mục tiêu, nội dung và đáp ứng nhu cầu của sinh viên và xã hội.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



* TS. Nguyễn Trần Hưng